

Số: 11 /2021/NQ-HĐND

Cần Thơ, ngày 08 tháng 12 năm 2021

**NGHỊ QUYẾT**

**Ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ  
dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ  
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ TƯ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm  
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm  
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 ngày 01 tháng 9 năm 2021 của  
Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân  
bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nước năm 2022;*

*Căn cứ Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2021 của Thủ  
tướng Chính phủ về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự  
toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022;*

*Xét Tờ trình số 251/TTr-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân  
dân thành phố về việc ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi  
thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế -  
ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

a) Nghị quyết này quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự  
toán chi thường xuyên ngân sách địa phương áp dụng cho năm ngân sách 2022,

năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách.

b) Đối với các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách mới, thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định áp dụng cho thời kỳ ngân sách tại Nghị quyết này.

## **2. Đối tượng áp dụng**

a) Cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, cơ quan quản lý nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập và các cơ quan khác cấp thành phố; các quận, huyện, xã, phường, thị trấn trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc lập, phân bổ, chấp hành dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước.

## **Điều 2. Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương**

### **1. Nguyên tắc**

a) Phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương năm 2022, kế hoạch tài chính - ngân sách địa phương 03 năm giai đoạn 2022 - 2024, kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2021 - 2025 của thành phố.

b) Định mức phân bổ chi thường xuyên thể hiện tính công bằng, hợp lý và công khai minh bạch trong phân bổ ngân sách các cấp; đồng thời là cơ sở để xây dựng dự toán chi thường xuyên cho 03 cấp ngân sách: Ngân sách cấp thành phố, ngân sách quận, huyện (cấp huyện) và ngân sách xã, phường, thị trấn (cấp xã).

c) Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên gắn với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mỗi cấp chính quyền để đảm bảo cho các cấp, các ngành chủ động trong điều hành và tạo nguồn lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn thành phố.

d) Định mức phân bổ chi thường xuyên theo nguyên tắc đảm bảo chi trả đủ lương và các khoản có tính chất lương, sau đó mới đến nhiệm vụ chi thường xuyên khác.

Thúc đẩy từng bước nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước, phấn đấu giảm dần tỷ trọng chi thường xuyên, góp phần cơ cấu ngân sách nhà nước, sắp xếp bộ máy quản lý hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, xã, tinh giản biên chế, thực hiện cải cách tiền lương và bảo hiểm xã hội của Đảng và Nhà nước, yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị của từng cơ quan, đơn vị, địa phương.

đ) Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; cải cách hành chính nâng cao chất lượng dịch vụ công, sử dụng hiệu quả ngân sách nhà nước; góp phần đổi mới quản lý tài chính đối với khu vực sự nghiệp công để giảm mức hỗ trợ trực tiếp cho đơn vị sự nghiệp công lập, tăng nguồn bảo đảm chính sách hỗ trợ người nghèo, đối

tượng chính sách tiếp cận các dịch vụ sự nghiệp công, khuyến khích xã hội hoá, huy động các nguồn lực xã hội để phát triển kinh tế - xã hội.

e) Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên được xây dựng cho các lĩnh vực chi theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố, bảo đảm chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo chế độ và mức tiền lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng, hoạt động của cơ quan quản lý hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách được Nhà nước ban hành đến thời điểm Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết (chưa bao gồm kinh phí phát sinh tăng thêm để thực hiện các chính sách theo tiêu chí chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025).

g) Trong thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2022 - 2025, các chế độ, chính sách, tiền lương và biên chế có thay đổi tăng hoặc giảm theo quy định của cấp có thẩm quyền, thì kinh phí được bổ sung tăng thêm hoặc giảm trừ tương ứng với định mức và thời gian được hưởng theo quy định (trường hợp tăng ngân sách cấp trên thực hiện bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới để thực hiện; trường hợp giảm sẽ thực hiện điều chỉnh giảm bổ sung cân đối ngân sách cấp dưới tương ứng).

## **2. Tiêu chí**

a) Tiêu chí dân số: Được xác định theo quy định tại khoản 3 Điều 4, Mục 1 Chương II của nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 ban hành kèm theo Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg.

b) Tiêu chí biên chế:

- Từng cấp ngân sách: Áp dụng theo số biên chế được cấp có thẩm quyền giao năm 2022.

- Từng đơn vị dự toán: tính theo biên chế hiện có năm 2021.

## **Điều 3. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022**

Quy định cụ thể tại Phụ lục đính kèm theo Nghị quyết này.

## **Điều 4. Trách nhiệm thi hành**

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

## **Điều 5. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị quyết số 06/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên

ngân sách nhà nước năm 2017 hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ khóa X, kỳ họp thứ tư thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2021./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu - UBTVQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB);
- Bộ Tài chính;
- Đoàn đại biểu Quốc hội TP. Cần Thơ;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- UBND thành phố;
- UBMTTQVN thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- Sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND quận, huyện;
- Website Chính phủ;
- TT Công báo, Trung tâm lưu trữ lịch sử;
- Báo Cần Thơ, Đài PT và TH TP. Cần Thơ;
- Lưu: VT, HĐ, 250.

**CHỦ TỊCH**



**Phạm Văn Hiểu**



**Phụ lục**

**ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH  
NĂM 2022- NĂM ĐẦU CỦA THỜI KỲ ỔN ĐỊNH NGÂN SÁCH**

*(Kèm theo Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021  
của Hội đồng nhân dân thành phố)*

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức
1	<b>Chi sự nghiệp giáo dục</b>		
1.1	<b>Định mức phân bổ cấp thành phố</b> (phân bổ theo dân số trong độ tuổi đến trường từ 1-18 tuổi)	đồng/người dân/năm	1.260.832
	<b>* Định mức phân bổ dự toán các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo</b>		
a)	<b>Các lớp cấp 2 trong Trường Phổ thông trung học</b>		
	- Trường trên địa bàn quận	đồng/lớp/năm	16.500.000
	- Trường trên địa bàn huyện	đồng/lớp/năm	21.000.000
b)	<b>Các lớp cấp 3 trong Trường Phổ thông trung học</b>		
	- Trường trên địa bàn quận	đồng/lớp/năm	26.500.000
	- Trường trên địa bàn huyện	đồng/lớp/năm	31.000.000
c)	<b>Các trường chuyên biệt</b>		
	- Trường Chuyên	đồng/lớp/năm	35.000.000
	- Trường Dân tộc nội trú	đồng/lớp/năm	45.000.000
	- Trường Dạy trẻ Khuyết tật	đồng/lớp/năm	41.000.000
1.2	<b>Định mức phân bổ cấp quận, huyện</b>		
	- Chi cho con người (bao gồm tiền lương, phụ cấp thường xuyên và các khoản có tính chất lương):		theo mức lương thực tế và biên chế được giao, tương đương 81% tổng chi
	- Chi hoạt động:		tương đương 19% tổng chi
2.	<b>Chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề</b>		
a)	<b>Thành phố</b>		
	Thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, do đó không tính định mức chi cụ thể, ngân sách chi cấp phần chênh lệch thu, chi (do thu không đủ chi).		
b)	<b>Quận, huyện</b> (bao gồm kinh phí đào tạo lại cán bộ công chức)	triệu đồng/đơn vị/năm	2.700
3	<b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>		



STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức
	Thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, do đó không tính định mức chi cụ thể, ngân sách chi cấp phân chênh lệch thu, chi (do thu không đủ chi). Phân bổ cho y tế dự phòng, y tế cơ sở đạt tối thiểu 30% dự toán chi sự nghiệp y tế.		
<b>4</b>	<b>Chi sự nghiệp văn hoá thông tin</b>		
	- Thành phố	đồng/người dân/ năm	25.970
	- Quận, huyện	đồng/người dân/ năm	14.505
<b>5</b>	<b>Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình</b>		
	Quận, huyện	đồng/người dân/ năm	7.742
<b>6</b>	<b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>		
	- Thành phố	đồng/người dân/ năm	49.034
	- Quận, huyện	đồng/người dân/ năm	6.019
<b>7</b>	<b>Tiêu chí bổ sung đối với định mức chi sự nghiệp, văn hóa thông tin, sự nghiệp phát thanh truyền hình, sự nghiệp thể dục thể thao:</b>		
	- Đối với các quận, huyện có ít đơn vị hành chính (từ 9 đơn vị phường, xã, thị trấn trở xuống): bổ sung thêm 10% so với định mức quy định.		
	- Đối với các quận, huyện có dân số thấp (thấp hơn dân số trung bình tính trên mỗi quận, huyện): bổ sung thêm 10% so với định mức quy định.		
<b>8</b>	<b>Chi cơ quan Đảng, đoàn thể và quản lý nhà nước</b>		
<b>8.1</b>	<b>Đối với cán bộ công chức trong biên chế</b>		
<b>8.1.1</b>	<b>Chi tiền lương, phụ cấp thường xuyên và các khoản có tính chất lương</b>		theo mức lương thực tế và biên chế được giao
<b>8.1.2</b>	<b>Chi hoạt động</b>		
<b>a)</b>	<b>Thành phố (kể cả kinh phí khen thưởng)</b>		
	- Văn phòng Thành ủy, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân, Văn phòng Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	triệu đồng/ biên chế/năm	57
	- Các sở, ban, ngành, đoàn thể, đơn vị		
	+ Đơn vị từ 20 biên chế trở xuống	triệu đồng/ biên chế/năm	53
	+ Đơn vị từ 21 đến 40 biên chế	triệu đồng/ biên chế/năm	51

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức
	+ Đơn vị trên 40 biên chế	triệu đồng/ biên chế/năm	50
	+ Các Chi cục	triệu đồng/ biên chế/năm	47
	+ Các Trung tâm, các đơn vị sự nghiệp thuộc Chi cục	triệu đồng/ biên chế/năm	45
b)	<b>Quận, huyện</b>	triệu đồng/ biên chế/năm	53
8.2	<b>Đối với nhân viên hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP (bao gồm tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương và hoạt động phí)</b>	triệu đồng/ người/năm	100
9	<b>Chi thường xuyên ngân sách phường, xã, thị trấn</b>		
	- Chi tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương		theo mức lương thực tế và biên chế được giao
	- Chi hoạt động: (bình quân 6 khu vực (ấp)/phường, xã, thị trấn)	triệu đồng/đơn vị/năm	1.000
	- Định mức bổ sung cho mỗi khu vực (ấp) tăng thêm (từ khu vực (ấp) thứ 07 trở lên)	triệu đồng/khu vực (ấp)/năm	35
10	<b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ:</b> Căn cứ dự toán chi sự nghiệp khoa học - công nghệ hàng năm của thành phố được Trung ương giao, Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, đề xuất phân bổ dự toán ngân sách chi khoa học và công nghệ của cấp thành phố và cấp huyện, gửi Sở Tài chính tổng hợp phương án phân bổ ngân sách địa phương hàng năm, trình Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, quyết định.		
11	<b>Các sự nghiệp và các khoản chi còn lại (sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp môi trường, chi quốc phòng, an ninh và chi đảm bảo xã hội):</b> được phân bổ dự toán theo tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách		

\* **Ghi chú:** Định mức trên được tính theo mức lương cơ sở 1.490.000 đồng (theo Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ về quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang) và các chế độ, chính sách theo quy định hiện hành.

